TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2018/HS-ST
Ngày 25-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đẳng.

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đà Lạl là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn N, sinh năm 1987 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp 14, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Không rõ, mẹ: Huỳnh Thị D, sinh năm 1962; vợ: Đặng Kim T (Đặng Thị Kim T), sinh năm 1988 và 03 người con: Lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 28-02-2018 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Ông Lê Thanh B, sinh năm 1963 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp 5, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1966 (có mặt)
Trú tại: Ấp 5, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.
2. Ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1950 (có mặt)
3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 (vắng mặt)
4. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1962 (có mặt)
5. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1956 (có mặt)

6. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1962 (có mặt)
7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1946 (vắng mặt)
8. Chị Huỳnh Thị K, sinh năm 1992 (có mặt)
Cùng trú tại: Ấp 14, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 29-12-2014, ông Huỳnh Văn Tr (là anh ruột của bà Huỳnh Thị D và bà Huỳnh Thị T1) đi từ nhà vợ chồng ông Lê Thanh B và bà T1 đến nhà của bà D để thắp hương cho mẹ ruột và hỏi bà D vì sao giữa bà D với bà T1 là chị em ruột mà mâu thuẫn cãi nhau hoài. Khi ông Tr đến hàng ba nhà bà D thì gặp Huỳnh Thị K và Đặng Kim T (con gái và con dâu bà D) ngăn không cho vào nhà, K đẩy ông Tr thụt lui tới hàng rào. Ông Tr quay người lại bước qua hàng rào thì bị K kéo lại té ngửa xuống đất, một chân vướng trên hàng rào đưa ra ngoài; K đánh và cào vào mặt ông Tr. Ông Lê Thanh B từ nhà chạy qua can ngăn, khom người nắm chân ông Tr kéo ra ngoài. Lúc này, Huỳnh Văn N đang ở trong nhà, do bực tức vì ông B thường xuyên có lời lẽ chửi gia đình nên N nảy sinh ý định đánh ông B cho hả giận. N đi từ nhà xuống chòi than lấy cây cán búa (loại gỗ tràm) đi đến phía sau lưng bên phải ông B, tay trái (tay thuận) cầm cây cán búa đưa lên cao đánh xuống người ông B. Ông B quay người qua bên phải thì bị N đánh trúng một cái vào vai trái gây thương tích. Ông B ôm vai khụy xuống đất và chỉ tay vào mặt N nói: "Mày đánh tao hả N?". N không nói gì mà đi đến chòi than vứt bỏ cán búa rồi bỏ đi. Ông B được bà T1 kè về nhà, sau đó được bà T1 và Nguyễn Văn T đưa đi Bệnh viện đa khoa huyện M điều trị.

Ông B nhập viện lúc 19 giờ ngày 29-12-2014 đến ngày 05-01-2015 thì xuất viện. Bệnh án ghi nhận ông B bị gãy 1/3 giữa xương đòn trái; ngoài ra ông B không có vết thương nào khác.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 62/TgT, ngày 05-3-2015 của Trung tâm pháp y tỉnh Cà Mau kết luận thương tích ông Lê Thanh B: Gãy xương đòn trái lệnh trục, tỷ lệ 16%; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 16%.

Tang vật vụ án: Cây cán búa N dùng để đánh ông B không thu giữ được; bà D giao nộp 01 đoạn cây tràm, dài 49cm, đường kính 2,5cm, hai đầu nhọn.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 04-4-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Huỳnh Văn N về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát bảo vệ toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N mức án từ 02 năm đến 02

năm 06 tháng tù. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 đoạn cây tràm, dài 49cm, đường kính 2,5cm, hai đầu nhọn. Chấp nhận và buộc Huỳnh Văn N bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng theo sự thống nhất của bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị hại Lê Thanh B yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N và đồng ý các khoản chi phí điều trị và ngày công lao động với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Bị cáo và bị hại đều khẳng định đã nhận tất cả các văn bản tố tụng và các Quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng có tại hồ sơ vụ án đúng hạn luật định; đồng thời đồng ý với kết luận giám định pháp y về thương tích của bị hại là 16%.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Huỳnh Văn N nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật hình sự, đã ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; bị cáo xin lỗi ông Lê Thanh B vì hành vi của bị cáo đã gây tổn hại sức khỏe cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Quá trình điều tra lời khai của những người này đã thể hiện rõ tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H.

[2] Khoảng 17 giờ ngày 29-12-2014, giữa ông Huỳnh Văn Tr với chị Huỳnh Thị K và Đặng Kim T xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát nhau. Ông Lê Thanh B từ nhà chạy qua can ngăn, trong lúc khom người nắm chân ông Tr kéo ra ngoài, thì bị cáo Huỳnh Văn N đi từ nhà xuống chòi than lấy cây cán búa đi đến phía sau lưng bên phải ông B, tay trái (tay thuận) cầm cây cán búa đưa lên cao đánh trúng một cái vào vai trái ông B gây thương tích. Ông B ôm vai khụy xuống đất, N đi đến chòi than vứt bỏ cán búa rồi bỏ đi. Ông B nhập viện lúc 19 giờ ngày 29-12-2014 đến ngày 05-01-2015 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 62/TgT, ngày 05-3-2015 của Trung tâm pháp y tỉnh Cà Mau kết luận thương tích ông Lê Thanh B: Gãy xương đòn trái lệnh trục, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 16%.

[3] Bị cáo Huỳnh Văn N dùng cây cán búa (loại gỗ tràm) đánh gây thương tích đối với bị hại là thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm được quy định tại điểm c tiểu mục 2.2 mục 2 Phần I Nghị Quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17-4-2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Khi thực hiện hành vi, bị cáo Huỳnh Văn N đã có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đủ khả năng nhận thức được việc dùng hung khí nguy hiểm xâm hại đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và phải chịu chế tài hình sự nghiêm khắc.

Nhưng vì bực tức ông B thường xuyên có lời lẽ chửi gia đình mà N cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích gây thương tích cho bị hại B cho hả giận.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo là đúng với hành vi phạm tội và không oan sai. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại B và những người làm chứng là ông Tr, bà T1 tại phiên tòa và phù hợp với lời khai của ông Tuấn tại giai đoạn điều tra. Đồng thời, bị cáo N khẳng định lời khai của những người làm chứng là bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H và bà Nguyễn Thị H tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là không đúng sự thật khách quan so với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật nhưng theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có lợi cho bị cáo tại thời điểm xét xử. Cụ thể: Hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định khung hình phạt tù "từ hai năm đến bảy năm" là nặng hơn khung hình phạt tù "từ 02 năm đến 06 năm" quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở khẳng định bị cáo Huỳnh Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự đúng như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Văn N dùng cán búa loại gỗ tràm, rắn chắc đánh thẳng vào vai của bị hại là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của bị hại trái pháp luật. Hành vi của bị cáo còn tác động trực tiếp đến tình hình an ninh trật tự xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Huỳnh Văn N là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức về hành vi của bị cáo là nguy hiểm, nhưng vì xem thường sức khỏe, tính mạng của bị hại nên bất chấp chế tài hình sự để cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm đạt được mục đích gây thương tích đối với bị hại; hậu quả gây tổn thương cơ thể bị hại B 16% là thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Văn N gây ra. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng để giảm một phần hình phạt cho bị cáo Huỳnh Văn N: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nhân thân của bị cáo chưa bị tiền án, tiền sự; bị cáo là lao động chính trong gia đình, con của bị cáo còn rất nhỏ (sinh năm 2018) và bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong giai đoạn xét xử, bà Huỳnh Thị D cung cấp "Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ" chứng nhận ông Ngô Văn C là liệt sỹ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh mối quan hệ thân thích, huyết thống giữa bị cáo với ông Ngô Văn C. Tại phiên tòa, bị cáo xác định cha của bị cáo là ông Ngô Văn H có công với cách mạng nhưng không có chứng cứ chứng minh và người được hưởng chế độ ưu đãi gia đình liệt sĩ ghi tại mặt sau của Giấy chứng nhận ông C là liệt sĩ không có tên ông Ngô Văn H. Vì vậy, không có căn cứ xác định người thân của bị cáo có công với cách mạng để áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn N tự nguyện tiền bồi thường các khoản chi phí điều trị, tàu xe, tiền ăn uống và tiền mất thu nhập tổng số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị cáo và bị hại Lê Thanh B đồng ý mức bồi thường; không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

[9] Xử lý vật chứng: Một đoạn cây tràm, dài 49cm, đường kính 2,5cm, hai đầu nhọn (đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh quản lý) hiện nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện hành vi tố tụng và ban hành các quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật nên các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án là hợp pháp. Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn N khẳng định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo tự nguyện khai báo; những người tiến hành tố tụng không ép cung, mớm cung, bức cung đối với bị cáo.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Văn N phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch 5% tương ứng với tiền phải bồi thường 20.000.000 đồng theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N **02** (**Hai**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 02 năm 2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 và các Điều 604 và 609 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn N phải bồi thường cho bị hại Lê Thanh B số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bị hại Lê Thanh B có đơn yêu cầu thi hành, nếu bị cáo Huỳnh Văn N không tự nguyện thi hành xong, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy một đoạn cây tràm, dài 49cm, đường kính 2,5cm, hai đầu nhọn.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Huỳnh Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự có giá ngạch 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo Huỳnh Văn N, bị hại Lê Thanh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CAND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út